

Số: 3376 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 18 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
thực hiện năm 2023 (đợt 2) và năm 2024 (đợt 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Xét Tờ trình số 1107 /TT-SKHCCN ngày 17/10/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt danh mục các đề tài, dự án Khoa học và Công nghệ đưa vào kế hoạch thực hiện trong năm 2023 (đợt 2) và năm 2024 (đợt 1),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

- Thực hiện năm 2023 (đợt 2) gồm 01 đề tài nghiên cứu khoa học và 05 dự án sản xuất thử nghiệm;

- Thực hiện năm 2024 (đợt 1) gồm 09 đề tài nghiên cứu khoa học và 04 dự án sản xuất thử nghiệm

(Có Danh mục và nội dung chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh phê duyệt tổ chức chủ trì thực hiện, cá nhân chủ nhiệm và thuyết minh các đề tài, dự án theo đúng quy trình, quy định hiện hành;

Đối với các dự án sản xuất thử nghiệm: Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt đơn vị (nhà đầu tư, doanh nghiệp) có đủ năng lực chủ trì triển khai thực hiện.

Đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án phải cam kết (bằng văn bản) về việc tiếp nhận, sử dụng kết quả nghiên cứu (hoặc chuyển giao kết quả nghiên cứu cho đơn vị đặt hàng) sau khi đề tài, dự án hoàn thành, đồng thời có

kế hoạch khả thi để nhân rộng kết quả nghiên cứu, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT.VX UBND tỉnh
- CVP, PCVP. VX UBND tỉnh;
- CV: TH (Toàn);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT- UB

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Bui Đình Long



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH THỰC HIỆN NĂM 2023 (ĐỢT 2) VÀ NĂM 2024 (ĐỢT 1)
(Kèm theo Quyết định số 3376/QĐ-UBND ngày 18 /10 /năm 2023 của UBND tỉnh Nghệ An)

I. DANH MỤC NHIỆM VỤ KH&CN THỰC HIỆN NĂM 2023 (đợt 2)

| TT | Tên đề tài/dự án | Mục tiêu, Nội dung chủ yếu | Sản phẩm dự kiến | Ghi chú | |
|----|--|---|--|--|-----------------|
| | | | | Dự kiến kinh phí SNKH hỗ trợ (tỷ đồng) | Đơn vị đặt hàng |
| 1 | Dự án: Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình trồng thử nghiệm giống lúa mang đa gen (Xa4, Xa7, Xa21) kháng bệnh bạc lá tại Nghệ An | <p>a. Mục tiêu: Xây dựng thành công mô hình trồng thử nghiệm giống lúa mang đa gen (Xa4, Xa7, Xa21) kháng bạc lá góp phần giảm thiểu rủi ro do thiên tai dịch hại, đảm bảo đa dạng sinh học, ổn định năng suất, giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích và phát triển bền vững sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Nghệ An.</p> <p>b. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none">- Điều tra, khảo sát lựa chọn địa điểm, hộ dân xây dựng mô hình trồng thử nghiệm giống lúa mang đa gen (Xa4, Xa7, Xa21) kháng bạc lá.- Đào tạo, tập huấn quy trình trồng thâm canh giống lúa mang đa gen (Xa4, Xa7, Xa21) kháng bệnh bạc lá phù hợp với điều kiện sinh thái tại Nghệ An.- Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm giống lúa mang đa gen | <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo khoa học kết quả thực hiện dự án.- Mô hình trồng thử nghiệm giống lúa mang đa gen (Xa4, Xa7, Xa21) kháng bạc lá với quy mô 5 ha/vụ, năng suất đạt 5,5 – 6 tấn/ha vụ Hè Thu và 6-7 tấn/ha vụ Xuân.- Quy trình thâm canh giống lúa mang đa gen (Xa4, Xa7, Xa21) kháng bệnh bạc lá đạt năng suất cao phù hợp với điều kiện tỉnh Nghệ An.- 01-02 bài báo khoa học phản ánh kết quả dự án đăng trên Đặc san KH&CN hoặc báo chuyên ngành. | 1,0 | Sở NN&PTNT |

| | | | | | |
|---|--|---|--|-----|------------------------------------|
| | | (<i>Xa4, Xa7, Xa21</i>) kháng bạc lá với quy mô 5 ha/vụ. - Hội thảo đánh giá kết quả mô hình trồng thử nghiệm và bàn giải pháp nhân rộng. | | | |
| 2 | Dự án: Ứng dụng tiến bộ KHCN xây dựng mô hình nuôi Cua biển (<i>Scylla paramamosain</i>) thương phẩm trong ô lồng theo công nghệ tuần hoàn khép kín trong nhà trên địa bàn tỉnh Nghệ An. | a. Mục tiêu: Xây dựng thành công mô hình nuôi Cua biển (côm, lột) thương phẩm trong ô lồng theo công nghệ tuần hoàn khép kín trong nhà nhằm tạo ra một hình thức nuôi thương phẩm Cua biển mới góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế và khai thác tiềm năng, công suất các trại sản xuất giống thủy sản trên địa bàn tỉnh. b. Nội dung: - Điều tra khảo sát lựa chọn địa điểm thực hiện dự án. - Đào tạo chuyển giao quy trình nuôi Cua côm, Cua lột thương phẩm trong ô lồng theo công nghệ tuần hoàn khép kín trong nhà. - Xây dựng mô hình nuôi Cua côm, Cua lột thương phẩm trong ô lồng theo công nghệ tuần hoàn khép kín trong nhà quy mô 500 ô lồng/vụ. - Hội thảo khoa học đánh giá kết quả của dự án | - Báo cáo khoa học kết quả thực hiện dự án. - Mô hình nuôi Cua côm, cua lột thương phẩm trong ô lồng theo công nghệ tuần hoàn khép kín trong nhà quy mô 500 ô lồng/vụ. Kích cỡ cua thu hoạch: 300 - 400 g/con. - Sản lượng dự kiến đạt 1.200 - 1.500 kg cua côm thương phẩm - 01- 02 bài báo phản ánh kết quả trên Đặc san KHCN hoặc tạp chí chuyên ngành. | 1,3 | Sở NN&PTNT và UBND huyện Quỳnh Lưu |
| 3 | Đề tài: Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp can thiệp bệnh cận thị tiền triển ở học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Nghệ An | a. Mục tiêu: Đánh giá được thực trạng, xác định được một số yếu tố liên quan và đề xuất được giải pháp can thiệp bệnh cận thị tiền triển ở học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện thành công các mục tiêu của chương trình Phòng chống mù lòa trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai | - Báo cáo khoa học kết quả thực hiện đề tài - Một số yếu tố liên quan đến bệnh cận thị tiền triển ở học sinh tiểu học tại Nghệ An - Bộ giải pháp can thiệp bệnh cận thị tiền triển ở học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh. - Mô hình áp dụng các giải pháp can thiệp cho 200 bệnh nhân cận thị tiền triển ở học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh. - 01-2 bài báo phản ánh kết quả trên Đặc san | 0,9 | Sở Y tế Nghệ An |

| | | | | | |
|---|--|--|---|-----|--------------------------|
| | | <p>đoạn 2022-2025.</p> <p>b. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra đánh giá thực trạng và xác định các yếu tố liên quan đến bệnh cận thị tiến triển ở học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh. - Nghiên cứu đề xuất bộ giải pháp can thiệp bệnh cận thị tiến triển ở học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh. - Áp dụng các biện pháp can thiệp bệnh cận thị tiến triển ở học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh. - Hội thảo khoa học đánh giá kết quả của đề tài | KHCN hoặc tạp chí chuyên ngành | | |
| 4 | Dự án: Ứng dụng tiến bộ KHCN xây dựng mô hình nhân giống, trồng và chế biến một số sản phẩm từ cây chè dây tại huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An | <p>a. Mục tiêu: Ứng dụng tiến bộ KHCN xây dựng thành công mô hình nhân giống, trồng, chăm sóc, thu hoạch và chế biến một số sản phẩm từ cây chè dây, góp phần tạo ra các sản phẩm có giá trị cao cung cấp cho thị trường và nâng cao hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích đất canh tác cho người dân ở vùng miền Tây Nghệ An.</p> <p>b. Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra khảo sát, lựa chọn địa điểm và hộ dân xây dựng mô hình trồng cây chè dây. - Đào tạo, tập huấn, chuyển giao quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng và chế biến cây chè dây. - Xây dựng mô hình nhân giống cây chè dây quy mô 0,1 ha. - Xây dựng mô hình trồng cây chè dây quy mô 05 ha. - Xây dựng mô hình chế biến các sản phẩm từ cây chè dây quy mô công nghiệp. | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo khoa học kết quả thực hiện dự án. - Mô hình nhân giống cây chè dây quy mô 0,1 ha với công suất 50.000 cây giống/năm. - Mô hình trồng trồng chè dây quy mô 05 ha. - Mô hình chế biến các sản phẩm từ cây chè dây quy mô công nghiệp, trong thời gian thực hiện dự án sản xuất được 15.000 hộp trà túi lọc (hộp loại 30 túi x 3g/túi); 5.000 lọ cao (lọ loại 75g); 5.000 lọ viên hoàn (lọ loại 150 viên x 0,14 g/viên). - Bộ nhận diện thương hiệu cho 3 sản phẩm trà túi lọc, cao và viên hoàn. - 01 - 2 bài báo phản ánh kết quả của dự án đăng trên Đặc san KH&CN hoặc Tạp chí chuyên ngành | 1,3 | Sở Khoa học và Công nghệ |

| | | | | | |
|---|---|--|--|-----|----------------------------------|
| | | - Hội thảo khoa học đánh giá hiệu quả của mô hình. | | | |
| 5 | Dự án: Xây dựng và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Chè Tuyết Shan Kỳ Sơn” dùng cho sản phẩm chè Tuyết Shan của huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. | <p>a. Mục tiêu: Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận “Chè Tuyết Shan Kỳ Sơn” dùng cho sản phẩm chè Tuyết Shan của huyện Kỳ Sơn, góp phần tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho người dân vùng sản xuất, kinh doanh sản phẩm chè Tuyết Shan Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.</p> <p>b. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định tiêu chí, đặc tính đặc thù của sản phẩm chè Tuyết Shan mang nhãn hiệu chứng nhận “Chè Tuyết Shan Kỳ Sơn”. - Xây dựng hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Chè Tuyết Shan Kỳ Sơn” cho sản phẩm chè Tuyết Shan của huyện Kỳ Sơn. - Xây dựng hệ thống văn bản quản lý và các công cụ phục vụ công tác quản lý, khai thác và phát triển Nhãn hiệu chứng nhận “Chè Tuyết Shan Kỳ Sơn”. - Triển khai thực hiện thí điểm hoạt động quản lý, khai thác và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Chè Tuyết Shan Kỳ Sơn” gắn với liên kết chuỗi giá trị. | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo khoa học kết quả thực hiện dự án. - Bộ tiêu chí, đặc tính đặc thù của sản phẩm chè Tuyết Shan mang nhãn hiệu chứng nhận “Chè Tuyết Shan Kỳ Sơn”. - Văn bằng bảo hộ Nhãn hiệu chứng nhận “Chè Tuyết Shan Kỳ Sơn” cho sản phẩm chè Tuyết Shan của huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. - Hệ thống văn bản quản lý và các công cụ phục vụ công tác quản lý, khai thác và phát triển Nhãn hiệu chứng nhận “Chè Tuyết Shan Kỳ Sơn” cho sản phẩm chè Tuyết Shan của huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. - Báo cáo đánh giá kết quả thí điểm hoạt động quản lý, khai thác và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Chè Tuyết Shan Kỳ Sơn” gắn với liên kết chuỗi giá trị - 01 - 02 bài báo phản ánh kết quả của dự án đăng trên Đặc san KH&CN hoặc Tạp chí chuyên ngành. | 1,2 | Sở Khoa học và Công nghệ Nghệ An |
| 6 | Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình nhân giống và trồng tre ngọt (<i>Dendrocalamus brandisii</i> (Munro) Kurz) lấy măng tại các huyện miền Tây tỉnh | <p>a. Mục tiêu: Xây dựng thành công mô hình sản xuất giống và trồng cây tre ngọt có năng suất, chất lượng cao thích ứng với biến đổi khí hậu góp phần ổn định, phát triển kinh tế các huyện miền Tây tỉnh nghệ An</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo khoa học kết quả thực hiện dự án - Mô hình trồng tre thương phẩm: 02 ha quy mô trang trại và 03ha quy mô hộ gia đình; cây sinh trưởng và phát triển tốt, sau 24 tháng trồng chiều cao cây đạt $\geq 2,0$ m, đường kính thân đạt $\geq 3,0$ cm. - Mô hình sản xuất giống quy mô 0,3 ha; sản | 1,2 | Sở Khoa học và Công nghệ |

| | | | | | |
|--|----------|--|--|--|--|
| | Nghệ An. | b. Nội dung: - Khảo sát lựa chọn địa điểm, hộ dân tham gia xây dựng mô hình. - Đào tạo, tập huấn, chuyển giao công nghệ nhân giống và trồng cây tre ngọt. - Học tập kinh nghiệm nhân giống và trồng cây tre ngọt tại các tỉnh phía Bắc. - Xây dựng mô hình sản xuất giống, quy mô 03ha có công suất 10.000 cây giống/năm. - Xây dựng mô hình trồng thâm canh trên địa bàn một số huyện miền Tây, quy mô: 5,0 ha. - Hội thảo khoa học đánh giá và các giải pháp nhân rộng | xuất được 10.000 cây giống tre đạt tiêu chuẩn xuất vườn. - 01 - 2 bài báo phản ánh kết quả của dự án đăng trên Đặc san KH&CN hoặc Tạp chí chuyên ngành. | | |
|--|----------|--|--|--|--|

II. DANH MỤC NHIỆM VỤ KH&CN THỰC HIỆN NĂM 2024 (đợt 1)

| TT | Tên đề tài/dự án | Mục tiêu, Nội dung chủ yếu | Sản phẩm dự kiến | Ghi chú | |
|----|---|---|--|---|--|
| | | | | Dự kiến kinh phí SNKH hỗ trợ (tỷ đồng)) | Đơn vị đặt hàng |
| 1 | Đề tài: Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển hình thức hợp tác, liên kết trong tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị nông sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An. | a. Mục tiêu: Đánh giá được thực trạng và đề xuất được giải pháp phát triển hình thức hợp tác, liên kết trong tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị nông sản góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh; hình thành nền nông nghiệp hàng hóa lớn, hiện đại trên địa bàn tỉnh Nghệ An. b. Nội dung: - Hệ thống lý luận về phát triển | - Báo cáo khoa học kết quả thực hiện đề tài. - Bộ giải pháp thúc đẩy phát triển hình thức hợp tác, liên kết trong tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. - 01-02 bài báo phản ánh kết quả của đề tài đăng trên Đặc san KH&CN hoặc Tạp chí chuyên ngành. | 0,9 | Trường Chính trị tỉnh (Theo CV của ban cán sự Đảng UBND tỉnh số 350-CV/BCSD ngày 28/6/2023) |

| | | | | | |
|---|---|---|---|-----|---------|
| | | <p>hình thức hợp tác, liên kết trong tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, đánh giá thực trạng phát triển hình thức hợp tác, liên kết trong tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Nghệ An. - Đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển hình thức hợp tác, liên kết trong tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. - Hội thảo khoa học. | | | |
| 2 | <p>Đề tài: Thực trạng và giải pháp phát hiện sớm, dự phòng và điều trị tăng huyết áp thừa cân, béo phì ở người từ 10-18 tuổi tại Nghệ An.</p> | <p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được tỷ lệ tăng huyết áp, thừa cân, béo phì ở người từ 10-18 tuổi ở Nghệ An. - Xác định được các yếu tố liên quan đến tăng huyết áp, thừa cân, béo phì và đề xuất được các giải pháp phát hiện sớm, dự phòng, điều trị tăng huyết áp thừa cân, béo phì ở độ tuổi từ 10-18 tuổi tại Nghệ An. <p>b. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, khảo sát xác định tỷ lệ tăng huyết áp, thừa cân, béo phì ở người từ 10-18 tuổi trên địa bàn tỉnh Nghệ An. - Xác định các yếu tố liên quan đến tăng huyết áp, thừa cân, béo | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo khoa học kết quả thực hiện đề tài. - Xác định được các yếu tố nguy cơ tăng huyết áp, thừa cân, béo phì. - Bộ giải pháp phát hiện sớm, dự phòng và điều trị tăng huyết áp thừa cân, béo phì ở độ tuổi từ 10-18 tuổi tại Nghệ An. - 01-02 bài báo phản ánh kết quả của đề tài đăng trên Đặc san KH&CN hoặc Tạp chí chuyên ngành. | 0,9 | Sở Y tế |

| | | | | | |
|---|---|--|--|-----|-----------------------|
| | | <p>phì ở người từ 10-18 tuổi ở Nghệ An.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất một số giải pháp phát hiện sớm, dự phòng và điều trị tăng huyết áp thừa, cân béo phì ở người từ 10-18 tuổi. - Hội thảo khoa học. | | | |
| 3 | <p>Đề tài: Thực trạng chẩn đoán di căn hạch cổ và áp dụng một số kỹ thuật can thiệp trong điều trị ung thư tuyến giáp thể biệt hóa tại Nghệ An.</p> | <p>a. Mục tiêu: Đánh giá được thực trạng chẩn đoán di căn hạch cổ và áp dụng thành công một số tiến bộ kỹ thuật can thiệp trong điều trị ung thư tuyến giáp thể biệt hóa góp phần nâng cao hiệu quả điều trị ung thư tuyến giáp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.</p> <p>b. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thực trạng chẩn đoán di căn hạch cổ của bệnh nhân ung thư tuyến giáp thể biệt hóa. - Đánh giá lựa chọn một số tiến bộ kỹ thuật can thiệp trong điều trị ung thư tuyến giáp thể biệt hóa. - Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật can thiệp trong điều trị ung thư tuyến giáp thể biệt hóa cho 100 người. - Hội thảo khoa học đánh giá hiệu quả điều trị. | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo khoa học kết quả thực hiện đề tài. - Một số tiến bộ kỹ thuật can thiệp trong điều trị ung thư tuyến giáp thể biệt hóa. - Điều trị cho 100 bệnh nhân bị ung thư tuyến giáp thể biệt hóa. - 1-2 bài báo phản ánh kết quả nghiên cứu của đề tài. | 0,9 | Sở Y tế |
| 4 | <p>Đề tài: Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030.</p> | <p>a. Mục tiêu: Cung cấp luận cứ khoa học, đề xuất được quan điểm, định hướng và giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030 phù hợp với đặc điểm</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo khoa học kết quả thực hiện đề tài. - Bộ tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế số áp dụng cho tỉnh Nghệ An. - Quan điểm, định hướng và giải pháp nhằm phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh đến năm 2030. | 1,0 | Sở Kế hoạch và Đầu tư |

| | | | | | |
|---|--|--|---|-----|------------------------|
| | | <p>của tỉnh và bối cảnh mới trong nước và quốc tế.</p> <p>b. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm trong nước, quốc tế về kinh tế số và phát triển kinh tế số. - Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế số áp dụng cho tỉnh Nghệ An. - Đánh giá thực trạng và tiềm năng phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh Nghệ An. - Quan điểm, định hướng và giải pháp phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh đến năm 2030. | - 1-2 bài báo phản ánh kết quả nghiên cứu của đề tài. | | |
| 5 | <p>Đề tài: Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất keo nanocellulose dán gỗ từ nguyên liệu tự nhiên trên địa bàn tỉnh Nghệ An</p> | <p>a. Mục tiêu: Hoàn thiện được quy trình keo dán gỗ từ nguyên liệu tự nhiên trên địa bàn tỉnh Nghệ An, tạo ra sản phẩm thân thiện với môi trường góp phần bảo vệ môi trường trong sản xuất gỗ ván ép.</p> <p>b. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất vật liệu nanocellulose từ bột giấy sunfat. - Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất keo dán gỗ thân thiện môi trường phenol formaldehit – nanocellulose. - Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất gỗ ván ép sử dụng hệ keo mới phenol formaldehit – nanocellulose. | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo khoa học kết quả thực hiện đề tài - Quy trình công nghệ sản xuất vật liệu nanocellulose từ bột giấy sunfat. - Quy trình công nghệ sản xuất keo dán gỗ thân thiện môi trường phenol formaldehit – nanocellulose. - Quy trình công nghệ sản xuất gỗ ván ép sử dụng hệ keo mới phenol formaldehit – nanocellulose. - Mô hình sản xuất thử nghiệm gỗ ván ép sử dụng keo dán gỗ từ nguyên liệu tự nhiên quy mô 50 m³/ngày. - 1-2 bài báo phản ánh kết quả đề tài trên Đặc san KH&CN hoặc các tạp chí chuyên ngành. | 1,3 | Sở thương An Công nghệ |

| | | | | | |
|---|---|---|---|-----|-----------------------------|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất thử sản phẩm ván ép sử dụng keo dán gỗ thân thiện môi trường. - Hội thảo khoa học. | | | |
| 6 | <p>Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ GIS kết hợp mô hình hồi quy đa biến xây dựng dữ liệu và bản đồ giá đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An</p> | <p>a. Mục tiêu: Ứng dụng thành công công nghệ GIS kết hợp phân tích hồi quy đa biến xây dựng dữ liệu và bản đồ giá đất góp phần tăng cường hiệu quả công tác quản lý cơ sở dữ liệu giá đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An.</p> <p>b. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng quy trình thành lập cơ sở dữ liệu giá đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An. - Nghiên cứu xây dựng mô hình định giá đất có độ chính xác cao, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. - Thử nghiệm mô hình định giá đất để xây dựng dữ liệu và bản đồ giá đất tại thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. - Hội thảo khoa học đánh giá kết quả của đề tài. | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo khoa học kết quả thực hiện đề tài. - Quy trình thành lập cơ sở dữ liệu giá đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An. - Mô hình định giá đất có độ chính xác cao, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. - Dữ liệu giá đất tại thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An và Bộ bản đồ giá trị đất đai tại thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An - 01-02 bài báo phán ánh kết quả đề tài trên Đặc san KH&CN hoặc các tạp chí chuyên ngành. | 1,1 | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 7 | <p>Đề tài: Thực trạng và giải pháp phát triển chuỗi giá trị du lịch nông thôn ở tỉnh Nghệ An</p> | <p>a. Mục tiêu: Đánh giá được thực trạng, đề xuất được mô hình và giải pháp phát triển chuỗi giá trị du lịch nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng nông thôn theo hướng tích hợp đa giá trị, bao trùm và phát triển bền vững, đẩy nhanh xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An.</p> <p>b. Nội dung:</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo khoa học kết quả thực hiện đề tài. - Mô hình phát triển chuỗi giá trị du lịch nông thôn. - Bộ giải pháp phát triển chuỗi giá trị du lịch nông thôn mới ở Nghệ An. - 01-02 bài báo phán ánh kết quả đề tài trên Đặc san KH&CN hoặc các tạp chí chuyên ngành. | 1,0 | Sở Du Lịch |

| | | | | | |
|---|---|--|--|-----|------------|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở lý luận và thực tiễn về chuỗi giá trị phát triển du lịch nông thôn. - Điều tra khảo sát đánh giá thực trạng phát triển chuỗi giá trị du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An. - Nghiên cứu đề xuất mô hình và giải pháp phát triển chuỗi giá trị du lịch nông thôn tại Nghệ An. - Thử nghiệm xây dựng mô hình phát triển chuỗi giá trị du lịch nông thôn - Hội thảo khoa học. | | | |
| 8 | <p>Đề tài: Nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp xúc tiến thương hiệu điểm đến du lịch Nghệ An trên các nền tảng mạng xã hội.</p> | <p>a. Mục tiêu: Đánh giá được thực trạng, đề xuất được mô hình và giải pháp xúc tiến thương hiệu điểm đến du lịch Nghệ An trên các nền tảng mạng xã hội góp phần đưa ngành du lịch phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>b. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số vấn đề lý luận về xúc tiến thương hiệu điểm đến du lịch trên nền tảng mạng xã hội. - Điều tra đánh giá thực trạng hoạt động xúc tiến thương hiệu điểm đến du lịch Nghệ An trên các nền tảng mạng xã hội. - Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động xúc tiến thương hiệu điểm đến du lịch Nghệ An trên các nền tảng mạng xã hội. | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo khoa học kết quả thực hiện đề tài. - Bộ giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương hiệu điểm đến du lịch Nghệ An trên các nền tảng mạng xã hội. - 01-02 bài báo phản ánh kết quả đề tài trên Đặc san KH&CN hoặc các tạp chí chuyên ngành. | 0,9 | Sở Du lịch |

| | | | | | |
|----|--|--|---|-----|--------------------------------------|
| 9 | <p>Đề tài: Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phòng, chống tảo hôn cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện Miền Tây, tỉnh Nghệ An.</p> | <p>- Hội thảo khoa học.</p> <p>a. Mục tiêu: Đánh giá được thực trạng và đề xuất được giải pháp phòng, chống tảo hôn cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện Miền Tây, tỉnh Nghệ An.</p> <p>b. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tảo hôn. - Điều tra, đánh giá thực trạng tảo hôn tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền Tây Nghệ An. - Đề xuất giải pháp, điều kiện bảo đảm thực hiện phòng, chống tảo hôn cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện Miền Tây, tỉnh Nghệ An. - Thử nghiệm áp dụng các giải pháp phòng, chống tảo hôn cho đồng bào dân tộc thiểu số ở 1-2 huyện miền Tây Nghệ An. <p>- Hội thảo khoa học.</p> | <p>- Báo cáo khoa học kết quả thực hiện đề tài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ giải pháp, điều kiện bảo đảm thực hiện phòng, chống tảo hôn cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện Miền Tây, tỉnh Nghệ An trong thời gian tới. - Thử nghiệm áp dụng các giải pháp phòng, chống tảo hôn cho đồng bào dân tộc thiểu số ở 1-2 huyện miền Tây Nghệ An. - 01-02 bài báo phản ánh kết quả trên Đặc san KH&CN hoặc các tạp chí chuyên ngành. | 0,9 | Sở Tư pháp và UBND huyện Tương Dương |
| 10 | <p>Dự án: Ứng dụng tiến bộ KHCN xây dựng mô hình nhân giống và nuôi thương phẩm ba ba gai sông Quàng tại huyện Quế Phong</p> | <p>a. Mục tiêu: Ứng dụng tiến bộ KHCN xây dựng thành công mô hình nhân giống và nuôi thương phẩm ba ba gai sông Quàng nhằm góp phần bảo tồn, khai thác hiệu quả nguồn gen quý và phát triển kinh tế xã hội ở huyện Quế Phong</p> <p>b. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định danh ba ba gai sông Quàng và điều tra lựa chọn hộ dân tham gia mô hình. - Đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất giống và nuôi | <p>- Báo cáo khoa học kết quả thực hiện dự án.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo định danh và đặc điểm môi trường sống tự nhiên của ba ba gai sông Quàng. - Mô hình sản xuất giống ba ba sông Quàng; quy mô: 100 m² ao/bể, 500 con giống/năm, cỡ 15-20 g/con. - Mô nuôi thương phẩm ba ba gai sông Quàng; quy mô: 200 m², sản lượng 1000 kg, cỡ thu hoạch 1,5-2,5 kg/con. - 01-02 bài báo phản ánh kết quả trên Đặc san KH&CN hoặc các tạp chí chuyên ngành. | 1,3 | UBND huyện Quế Phong |

| | | | | | |
|----|---|---|---|-----|----------------------|
| | | <p>thương phẩm ba ba gai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình sản xuất giống ba ba gai sông Quàng. - Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm ba ba gai sông Quàng. - Hội thảo đánh giá kết quả mô hình | | | |
| 11 | <p>Dự án: Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình sản xuất chuỗi sản phẩm Sâm Nam núi Dành (<i>Callerya spp</i>) theo hướng GACP –WHO tại huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An</p> | <p>a. Mục tiêu: Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng thành công mô hình chuỗi sản phẩm Sâm Nam Núi Dành (<i>Callerya spp</i>) theo hướng GACP –WHO góp phần tạo ra các sản phẩm có giá trị cao, cung cấp cho thị trường và nâng cao hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích đất canh tác cho người dân trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn.</p> <p>b. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra khảo sát lựa chọn địa điểm thực hiện dự án. - Đào tạo, tập huấn, chuyển giao quy trình kỹ thuật sản xuất các sản phẩm Sâm Nam Núi Dành (<i>Callerya spp</i>). - Đánh giá hiệu quả, năng suất và chất lượng của cây sâm Nam núi Dành trồng trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn. - Xây dựng mô hình sản xuất các sản phẩm Trà lá và Trà hoa Sâm Nam Núi Dành (<i>Callerya spp</i>) theo hướng GACP –WHO. - Hội thảo khoa học đánh giá kết quả thực hiện dự án. | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo khoa học kết quả thực hiện dự án. - Đào tạo được 05 cán bộ kỹ thuật và 30 người dân nắm vững quy trình kỹ thuật sản xuất các sản phẩm Sâm Nam Núi Dành (<i>Callerya spp</i>). - Mô hình sản xuất các sản phẩm Trà lá và Trà hoa Sâm Nam Núi Dành quy mô 10.000 gói/loại, trong thời gian thực hiện dự án sản xuất được 20.000 gói trà (loại 100g/gói). - Bộ nhận diện thương hiệu cho 2 sản Trà lá và Trà hoa Sâm Nam Núi Dành . - 01-02 bài báo phán ánh kết quả trên Đặc san KH&CN hoặc các tạp chí chuyên ngành. | 0,9 | UBND huyện Nghĩa Đàn |

| | | | | | |
|----|--|--|---|-----|------------------------|
| 12 | Dự án: Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống và trồng thương phẩm một số giống nghệ có năng suất, chất lượng cao trên địa bàn huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An | <p>a. Mục tiêu: Xây dựng thành công mô hình sản xuất giống và trồng thương phẩm một số giống nghệ có năng suất, chất lượng cao phù hợp với điều kiện thời tiết khí hậu cung cấp cho người dân trồng nghệ trên địa bàn góp phần làm tiền đề để phát triển nghề trồng và chế biến các sản phẩm từ nghệ trên địa bàn huyện Tương Dương.</p> <p>b. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra khảo sát lựa chọn địa điểm, hộ dân xây dựng mô hình - Đào tạo, tập huấn, chuyển giao công nghệ sản xuất giống và trồng thương phẩm một số giống nghệ có năng suất, chất lượng cao. - Xây dựng mô hình sản xuất một số giống nghệ có năng suất, chất lượng tốt, quy mô 2.000m², sản công suất 5 - 6 tấn củ nghệ giống/năm - Xây dựng mô hình trồng thương phẩm một số giống nghệ có năng suất cao, chất lượng cao, quy mô 5-6 ha - Hội thảo khoa học đánh giá kết quả mô hình. | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo khoa học kết quả thực hiện dự án. - Mô hình sản xuất một số giống nghệ có năng suất, chất lượng cao, quy mô 2.000m². Sản xuất được 10-12 tấn nghệ củ đạt tiêu chuẩn làm giống - Mô hình trồng thương phẩm một số giống nghệ có năng suất, chất lượng cao, quy mô 5-6 ha, năng suất đạt từ 29-30 tấn/ha, hàm lượng curcumin trong củ nghệ đạt 5-6%, sản lượng đạt 170-180 tấn nghệ tươi - 01-02 bài báo phán ánh kết quả trên Đặc san KH&CN hoặc các tạp chí chuyên ngành. | 1,0 | UBND huyện Tương Dương |
| 13 | Đề tài: Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn thành phố Vinh. | <p>a. Mục tiêu: Đánh giá được thực trạng đề xuất được mô hình và giải pháp phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn thành phố Vinh.</p> <p>b. Nội dung:</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo khoa học kết quả thực hiện đề tài. - Bộ tiêu chí đo lường và các nhân tố tác động đến phát triển kinh tế ban đêm. - Mô hình lý thuyết và giải pháp phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn thành phố | 1,0 | UBND thành phố Vinh |

| | | | | |
|--|--|---|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm trong nước, quốc tế về phát triển kinh tế ban đêm. - Xây dựng bộ tiêu chí đo lường và các nhân tố tác động đến phát triển kinh tế ban đêm. - Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn thành phố Vinh. - Đề xuất mô hình lý thuyết và giải pháp phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn thành phố Vinh. - Thử nghiệm áp dụng các giải pháp xây dựng mô hình phát triển kinh tế ban đêm tại một số tuyến phố trên địa bàn thành phố Vinh. | <p>Vinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình thử nghiệm phát triển kinh tế ban đêm tại 1 số phố đi bộ, ẩm thực, chợ đêm... trên địa bàn thành phố Vinh. - 01-02 bài báo phân ánh kết quả trên Đặc san KH&CN hoặc các tạp chí chuyên ngành. | | |
|--|--|---|--|--|